TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 33/2017/KDTM-ST;
Ngày: 16/5/2017.
V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Tống Hữu Châu.
2/ Bà Huỳnh Thị Tuyết Vân.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Thịnh, cán bộ Tòa án nhân dân Quận YH, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận YH, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Tuyết Mai - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 5 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận YH, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 95/2016/TLST-KDTM ngày 04 tháng 11 năm 2016 về tranh chấp "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 125/2017/QĐXXST-KDTM ngày 18 tháng 4 năm 2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Công ty TNHH A**.

Trụ sở: 101 Phan Đình Phùng, phường TA, quận NK, Thành phố CT.

Đại diện theo pháp luật của công ty: Ông Ngô Văn N – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Đại diện ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Đình S.

Địa chỉ: 93 Nguyễn Văn Thủ, phường ĐK, Quận S, Thành phố H.

(Có mặt).

2. *Bị đơn:* **Công ty TNHH vận tải Biển MD.**

Địa chỉ: 177 đường ĐHT, Khu phố L, phường Tân Hưng T, Quận YH, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Bà Phạm Thị Hồng Đ, sinh năm: 1986.

Đại diện ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Trương Thanh A, sinh năm: 1969.

Địa chỉ: 210 Nguyễn Khắc Chu, Phường K, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong đơn khởi kiện ngày 01/8/2016, bản tự khai ngày 09/01/2017, 20/3/2017, biên bản hòa giải ngày 28/3/2017 đại diện ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Đình Sang trình bày:

Ngày 30/3/2015 Công ty TNHH A (gọi tắt là công ty A) có ký hợp đồng mua bán cọc lỗi kỹ thuật với Công ty TNHH vận tải Biển MD (gọi tắt là công ty MD) với nội dung là công ty MD sẽ bán và vận chuyển cọc bê tông D400 dài 14m và D300 dài 12m cho công ty A, tổng giá trị hợp đồng là 1.419.127.600 (một tỷ, bốn trăm mười chín triệu, một trăm hai mươi bảy ngàn, sáu trăm) đồng. Địa điểm giao hàng tại kho lương thực của công ty A ở địa chỉ khu vực Thới Ngươn B, phường Phước Thới, quận Ô Môn, Thành phố Cần Thơ, chi phí vận chuyển do công ty MD chịu. Thời gian giao nhận hàng chậm nhất là ngày 09/4/2015.

Để đảm bảo cho việc thực hiện hợp đồng, công ty A đã đặt cọc trước cho công ty MD 50% giá trị hợp đồng tương đương số tiền 709.674.360 (bảy trăm lẻ chín triệu, sáu trăm bảy mươi bốn ngàn, ba trăm sáu mươi) đồng. Sau khi nhận được số tiền này, công ty MD mới chỉ giao chúng tôi số lượng cọc lỗi tương đương số tiền 428.990.400 (bốn trăm hai mươi tám triệu, chín trăm chín mươi chín ngàn, bốn trăm) đồng (chưa bao gồm 10% VAT).

Cũng cần làm rõ thêm là công ty A đặt cọc cho công ty MD nhằm đảm bảo cho quá trình thực hiện hợp đồng, cụ thể ở đây là nghĩa vụ thanh toán khi công ty MD giao đủ cọc cho công ty A, sau khi giao đủ cọc thì công ty A sẽ thanh toán đủ 50% số tiền còn lại. Điều này thể hiện qua việc khi công ty MD giao một đợt hàng thì công ty MD không có ý kiến gì về việc yêu cầu công ty A phải thanh toán tiền hàng cả. Có thể hiểu mặc nhiên công ty MD cũng đồng ý với việc là số tiền cọc mình đã giao cho công ty A sẽ được trừ vào khoản tiền mà công ty A đã đặt cọc.

Theo hợp đồng ký kết được quy định tại Điều IV, khoản 1 về trách nhiệm giao hàng đúng tiến độ bên bán đã cam kết, trường hợp bên bán chậm trễ giao hàng thì phải bồi thường 1% giá trị hợp đồng cho mỗi ngày chậm trễ. Tính đến ngày 09/7/2016 công ty MD đã có hành vi vi phạm về tiến độ giao nhận hàng cho công ty A chậm 465 ngày.

Cũng theo hợp đồng hai bên đã ký kết, chi phí vận chuyển sẽ do bên bán chịu do đó công ty A cũng không có trách nhiệm chi trả tiền thuê xà lan vận chuyển cọc mà công ty MD thuê. Ngoài ra công ty MD không giao đủ cọc nên công ty A cũng không có nghĩa vụ trả lãi đối với bất kỳ khoản tiền nào mà công ty MD nêu rõ.

Mặc dù đại diện nguyên đơn đã nhiều lần nhắc nhở, yêu cầu công ty MD thực hiện nghiêm túc thời gian giao hàng được quy định tại Điều II của hợp đồng ký kết. Tuy nhiên, cho đến hôm nay, công ty MD đã cố tình viện nhiều lý do khác nhau, cố ý né tránh việc giao cọc cho công ty chúng tôi, việc làm này đã làm ảnh hướng rất lớn và gây thiệt hại cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty A.

Vì những lý do trên, công ty A yêu cầu Tòa án giải quyết:

1/Hủy hợp đồng mua bán cọc lỗi kỹ thuật ký kết ngày 30/3/2015 giữa Công ty TNHH A và Công ty TNHH vận tải Biển MD.

2/Buộc Công ty TNHH vận tải Biển MD phải trả cho công ty A số tiền chưa thực hiện nghĩa vụ giao hàng là 237.674.360 (hai trăm ba mươi bảy triệu, sáu trăm bảy mươi bốn ngàn, ba trăm sáu mươi) đồng.

3/Buộc Công ty TNHH vận tải Biển MD phải trả cho công ty A số tiền bị phạt cọc do vi phạm hợp đồng chậm giao hàng là 709.674.360 (bảy trăm lẻ chín triệu, sáu trăm bảy mươi tư ngàn, ba trăm sáu mươi) đồng.

4/Buộc công ty MD bồi thường cho công ty A số tiền tương đương với 1% giá trị hợp đồng cho mỗi ngày chậm trễ tính đến thời điểm khởi kiện.

5/Buộc công ty MD phải trả số tiền lãi tương ứng do chậm thực hiện nghĩa vụ giao hàng với mức lãi suất theo quy định của pháp luật.

Vào ngày 28/3/2017 ông Sang có ký với đại diện công ty MD về việc công ty MD sẽ tiến hành giao cho công ty A số lượng cọc tương ứng với số tiền là 237.647.360 (hai trăm ba mươi bảy triệu, sáu trăm bốn mươi bảy ngàn, ba trăm sáu mươi) đồng, đồng thời công ty A sẽ hỗ trợ cho công ty MD số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng phí vận chuyển. Tuy nhiên sau khi ký biên bản sự việc hai bên không thống nhất được việc giao nhận số tiền hỗ trợ trên và cách giao hàng như thế nào nên cả hai không thực hiện như đã thỏa thuận tại Tòa án.

*Tại các bản tự khai, biên bản hòa giải, đại diện Công ty MD là ông Trương Thanh An trình bày:

Vào ngày 30/3/2015 công ty MD có ký kết hợp đồng mua bán cọc lỗi kỹ thuật với công ty A, trị giá hợp đồng là 1.419.127.600 (một tỷ, bốn trăm mười chín triệu, một trăm hai mươi bảy ngàn, sáu trăm) đồng. Trong Điều 3 hợp đồng đã ghi công ty A chuyển tiền đặt cọc trước cho công ty MD 50% giá trị tiền đặt cọc của hợp đồng là 709.563.800 (bảy trăm lẻ chín triệu, năm trăm sáu mươi ba ngàn, tám trăm) đồng. Và khi công ty MD giao số lượng cọc lỗi đến công ty A thì công ty A phải trả tiền cho chuyến hàng đó. Ngày 05/4/2015 công ty MD giao chuyến hàng cho xà lan chuyển đến công ty A đã nhận giá trị chuyến hàng là 471.889.440 (bốn trăm bảy mươi mốt triệu, tám trăm tám mươi chín ngàn, bốn trăm bốn mươi) đồng. Sau khi nhận hàng xong, công ty A không chuyển trả tiền chuyến hàng cho công ty MD, công ty MD đã nhiều lần yêu cầu công ty A chuyển tra tiền chuyến hàng và tiếp tục lấy hàng số cọc còn lại để thực hiện cho

xong hợp đồng ký ngày 30/3/2015. Đến ngày 15/4/2015 công ty A yêu cầu thanh lý hợp đồng nhưng công ty MD không đồng ý, yêu cầu công ty A chuyển trả tiền hàng và thực hiện tiếp hợp đồng, nhưng công ty A không thực hiện. Đến ngày 15/12/2015 công ty A gửi văn bản yêu cầu giao hàng tiếp với giá trị số tiền 237.674.360 (hai trăm ba mươi bảy triệu, sáu trăm bảy mươi tư ngàn, ba trăm sáu mươi) đồng trong số tiền đặt cọc trừ đi cho chuyến hàng giao đầu tiên mà ADC đã nhận nhưng Công ty MD không đồng ý yêu cầu của Công ty A chuyển trả tiền hàng và thực hiện tiếp hợp đồng nhưng Công ty A không thực hiện.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ngày 03/4/2015 Công ty MD nhận tiền của Công ty A chuyển tiền đặt cọc 709.563.800 (bảy trăm lẻ chín triệu, năm trăm sáu mươi ba ngàn, tám trăm) đồng thì ngày 03/4/2015 công ty MD chuyển cho công ty Hưng Long Phước 600.000.000 (sáu trăm triệu) đồng để mua cọc giao cho công ty A đồng thời trả tiền thuê xà lan vào ngày 04/4/2015 của công ty Thiên Nam 100.000.000 (một trăm triệu) đồng để thuê xà lan vận chuyển cọc lỗi kỹ thuật cho Công ty A, nhưng giao cho ADC xong, Công ty A không trả tiền cho Công ty MD nên Công ty MD phải trả tiếp cho Công ty Hưng Long Phước bằng vật liệu xây dựng là cát để trừ tiền Công ty MD mua cọc của Công ty Hưng Long Phước, chúng tôi có chứng từ kèm theo.

Khi thuê xà lan vận chuyển công ty Thiên Nam số tiền là 100.000.000 (một trăm triệu) đồng có biên nhận tiền của công ty Thiên Nam. Vận chuyển trọn gói theo hợp đồng công ty MD ký kết với công ty A nhưng công ty A không nhận cọc hết gây thiệt hại cho công ty MD số tiền 70.000.000 (bảy trăm triệu) đồng, phải bồi thường cho công ty Thiên Nam 100.000.000 (một trăm triệu) đồng mà công ty Thiên Nam đã nhận.

Bởi những sai phạm trong quá trình thực hiện hợp đồng như đã nêu trên nên công ty MD yêu cầu Tòa án giải quyết các yêu cầu sau: Yêu cầu Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Theo biên bản sự việc ngày 28/3/2017 tại Tòa án biên nguyên đơn đã tự nguyện cam kết sẽ chuyển cho công ty MD số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng trước ngày 06/4/2017, đây là số tiền nguyên đơn trợ giúp cho bị đơn nhưng nguyên đơn đã vi phạm biên bản sự việc mà yêu cầu chúng tôi giao hàng rồi mới chuyển tiền cho chúng tôi. Vì vậy, nay công ty chúng tôi yêu cầu Tòa án giải quyết vụ kiện.

Tại phiên tòa: Các đương sự giữ nguyên các yêu cầu và ý kiến của mình tại các buổi Tòa án làm việc trước đây trong quá trình thu thập chứng cứ.

Đại diện ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu Hội đồng xét xử buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn các khoản tiền sau:

1/Hủy hợp đồng mua bán cọc lỗi kỹ thuật ký kết ngày 30/3/2015 giữa Công ty TNHH A và Công ty TNHH vận tải Biển MD.

2/Buộc Công ty TNHH vận tải Biển MD phải trả cho công ty A số tiền chưa thực hiện nghĩa vụ giao hàng là 237.674.360 (hai trăm ba mươi bảy triệu, sáu trăm bảy mươi bốn ngàn, ba trăm sáu mươi) đồng.

3/Buộc Công ty TNHH vận tải Biển MD phải trả cho công ty A số tiền bị phạt cọc do vi phạm hợp đồng chậm giao hàng là 709.674.360 (bảy trăm lẻ chín triệu, sáu trăm bảy mươi tư ngàn, ba trăm sáu mươi) đồng.

4/Buộc công ty MD bồi thường cho công ty A số tiền tương đương với 1% giá trị hợp đồng cho mỗi ngày chậm trễ tính từ ngày 09/4/2015 tới ngày xét xử (16/5/2017) là 765 ngày. Tổng số tiền là 255.442.968 (hai trăm năm mươi lăm triệu, bốn trăm bốn mươi hai ngàn, chín trăm sáu mươi tám) đồng.

5/Buộc công ty MD phải trả số tiền lãi tương ứng do chậm thực hiện nghĩa vụ giao hàng với mức lãi suất theo quy định của pháp luật. Tiền lãi tính 0,95%/tháng x 25 tháng tính trên số tiền 255.442.968 (hai trăm năm mươi lăm triệu, bốn trăm bốn mươi hai ngàn, chín trăm sáu mươi tám) đồng. Tổng số tiền là 56.400.635 (năm mươi sáu triệu, bốn trăm ngàn, sáu trăm ba mươi lăm) đồng.

Tổng số tiền là: 1.259.192.000 (một tỷ, hai trăm năm mươi chín triệu, một trăm chín mươi hai ngàn) đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận YH, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án, Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị hủy hợp đồng mua bán cọc lỗi mà hai bên đã ký kết. Buộc Công ty TNHH vận tải Minh Hằng phải trả lại số tiền cọc còn lại cho Công ty TNHH A là 237.674.360 (hai trăm ba mươi bảy triệu, sáu trăm bảy mươi bốn ngàn, ba trăm sáu mươi) đồng. Còn lại bác các yêu cầu khác của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1/ Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Các đương sự tranh chấp với nhau về việc thực hiện Hợp đồng mua bán cọc lỗi ngày 30/3/2015. Đây là quan hệ pháp luật "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa". Tại bản hợp đồng trên các bên có thỏa thuận về việc nếu có tranh chấp hai bên không thương lượng được thì thống nhất ra Tòa án kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh là đơn vị giải quyết sau cùng. Tuy nhiên, theo như quy định về thẩm quyền giải quyết vụ án về việc Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa này thì bị đơn là doanh nghiệp có trụ sở chính đặt tại Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Nên căn cứ vào các Điều 30, 33, 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ

án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân Quận YH, Thành phố Hồ Chí Minh chứ không phải thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào các Điều 30, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân Quận YH, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Về các yêu cầu của đương sự:

Căn cứ vào lời khai của các đương sự; căn cứ vào các giấy tờ, tài liệu do các đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được có đủ cơ sở để xác định:

Theo tờ Hợp đồng mua bán cọc lỗi kỹ thuật ngày 30/3/2015 thì: giữa công ty trách nhiệm hữu hạn ADC (bên A) và Công ty trách nhiệm hữu hạn vận tải biển Minh Hằng (bên B) có thỏa thuận với nhau về việc: Bên B đồng ý bán và vận chuyển cọc bê tông D300 và D400. Tổng giá trị hợp đồng là 1.419.127.600 (một tỷ, bốn trăm mười chín triệu, một trăm hai mươi bảy ngàn, sáu trăm) đồng. Trong hợp đồng này hai bên cũng thỏa thuận về việc giao hàng như địa điểm giao hàng tại kho lương thực Công ty TNHH A, Thới Ngươn B, phường Phước Thới, quận Ô Môn, Thành phố Cần Thơ, chi phí vận chuyển do bên B chịu. Thỏa thuận về thời gian giao nhận là giao trước ngày 09/4/2015. Thỏa thuận về việc vi phạm và phạt vi phạm, trách nhiệm của hai bên…

Thỏa thuận về việc thanh toán: Tại Điều 3 của Hợp đồng này có quy định như sau: "Đặt cọc 50% giá trị hợp đồng 50% còn lại bên A sẽ thanh toán cho bên B từng chuyến hàng sau khi tàu cập bến của bên A".

Theo như đại diện nguyên đơn trình bày: Nguyên đơn đã chuyển khoản đặt cọc trước cho bị đơn 50% giá trị hợp đồng tương đương số tiền 709.674.360 (bảy trăm lẻ chín triệu, sáu trăm bảy mươi bốn ngàn, ba trăm sáu mươi) đồng. Và khẳng định rằng sau khi nhận số tiền này, Công ty MD mới chỉ giao cho Công ty A số lượng cọc lỗi tương đương số tiền 428.990.400 (bốn trăm hai mươi tám triệu, chín trăm chín mươi ngàn, bốn trăm) đồng. Đại diện phía nguyên đơn còn khẳng định rằng: Cần làm rõ là Công ty A đặt cọc cho Công ty MD nhằm bảo đảm cho quá trình thực hiện hợp đồng, cụ thể ở đây là nghĩa vụ thanh toán khi công ty MD giao đủ cọc cho công ty A, sau khi giao đủ cọc thì Công ty A sẽ thanh toán đủ 50% số tiền còn lại. Điều này thể hiện qua việc khi Công ty MD giao một đợt hàng thì Công ty MD không có ý kiến gì về việc yêu cầu Công ty A phải thanh toán tiền hàng cả. Có thể hiểu mặc nhiên Công ty MD cũng đồng ý với việc là số tiền cọc mình đã giao cho Công ty A sẽ được trừ vào khoản tiền mà Công ty A đã đặt cọc. Tại phiên tòa đại diện của nguyên đơn cho rằng bị đơn đã giao cho nguyên đơn hàng không đạt chất lượng, mặc dù biết là cọc lỗi nhưng mà lỗi nhiều quá. Vì vậy nguyên đơn không muốn tiếp tục thực hiện hợp đồng với bị đơn.

Từ những phân tích đó nên nguyên đơn cho rằng Công ty MD đã vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng là không tiếp tục giao hàng cho nguyên đơn nữa nên

yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải bồi thường 1% giá trị của hợp đồng cho mỗi ngày chậm trễ.

Ngược lại, đại diện ủy quyền của bên bị đơn cho rằng: Trong Điều 3 của Hợp đồng có ghi rõ: Công ty A chuyển tiền cọc trước cho Công ty MD 50% giá trị tiền đặt cọc của Hợp đồng và khi Công ty MD giao số lượng cọc lỗi đến Công ty A thì Công ty A phải trả tiền cho chuyến đó. Ngày 05/4/2015 Công ty MD giao chuyến hàng cho xà lan chuyển đến Công ty A trị giá chuyến hàng là 471.889.440 (bốn trăm bảy mươi mốt triệu, tám trăm tám mươi chín ngàn, bốn trăm bốn mươi) đồng. Sau khi nhận hàng xong, công ty A không chuyển trả tiền chuyến hàng cho Công ty MD, Công ty MD đã nhiều lần yêu cầu Công ty A chuyển trả tiền chuyến hàng và tiếp tục lấy hàng số cọc còn lại để thực hiện cho xong hợp đồng đã thỏa thuận. Đại diện nguyên đơn cho rằng bị đơn giao hàng không đạt chất lượng, tuy nhiên khi bị đơn chuẩn bị giao hàng nhân viên của nguyên đơn đã đến địa điểm tập kết cọc để lựa chọn từng cây cọc ra để bị đơn chuyển cho nguyên đơn, điều này cũng đã thể hiện rõ trong Hợp đồng mà hai bên ký kết nên bị đơn không chấp nhận lời khai này của nguyên đơn.

Hội đồng xét xử xét thấy: Theo Điều 3 của Hợp đồng mua bán cọc lỗi kỹ thuật ngày 30/3/2015 hai bên có thỏa thuận rõ về điều khoản thanh toán của hợp đồng là: "Đặt cọc 50% giá trị hợp đồng 50% còn lại bên A sẽ thanh toán cho bên B từng chuyến hàng sau khi tàu cập bến của bên A". Giá trị của hợp đồng là 1.419.127.600 (một tỷ, bốn trăm mười chín triệu, một trăm hai mươi bảy ngàn, sáu trăm) đồng. Theo như thỏa thuận trên được hiểu là nguyên đơn đặt cọc cho bị đơn 50% giá trị của hợp đồng tương đương với số tiền là 709.674.360 (bảy trăm lẻ chín triệu, sáu trăm bảy mươi tư ngàn, ba trăm sáu mươi) đồng. Số tiền này cả hai bên cùng xác nhận nguyên đơn đã chuyển khoản vào tài khoản của bị đơn. Hai bên tiếp tục thỏa thuận tiếp: "50% còn lại bên A sẽ thanh toán cho bên B từng chuyến hàng sau khi tàu cập bến của bên A". Như vậy, hai bên đã thỏa thuận rõ ràng rằng khi bên B (tức Công ty MD) giao hàng cho bên A (Công ty A) chuyến hàng nào thì bên A sẽ thanh toán cho bên B số tiền của chuyến hàng đó. Việc Công ty MD đã giao hàng cho Công ty A mà Công ty A không thanh toán tiền cho bị đơn ngay khi nhận chuyến hàng đầu tiên là vi phạm thỏa thuận của hai bên trong hợp đồng. Sau đó do không nhận được tiền thanh toán nên Công ty MD không tiếp tục giao hàng cho Công ty A là phù hợp với thỏa thuận của hai bên.

Công ty A cho rằng Công ty A đặt cọc cho Công ty MD nhằm đảm bảo cho quá trình thực hiện hợp đồng, cụ thể là nghĩa vụ thanh toán khi Công ty MD giao đủ cọc cho Công ty A, sau khi giao đủ cọc thì Công ty A sẽ thanh toán đủ 50% số tiền còn lại. Và cho rằng khi Công ty MD giao một đợt hàng thì công ty MD không có ý kiến gì về việc yêu cầu công ty A phải thanh toán tiền hàng cả. Lập luận này của phía đại diện nguyên đơn là không phù hợp. Bởi thực tế cả nguyên đơn và bị đơn cùng khai nhận khi giao hàng cho nguyên đơn, không được nguyên đơn thanh toán tiền nên bị đơn đã ngưng không giao cọc lỗi kỹ

thuật cho nguyên đơn nữa. Điều này thể hiện rõ việc bị đơn đã không đồng tình với việc khi bị đơn giao hàng cho nguyên đơn mà nguyên đơn không thanh toán tiền cho bị đơn theo như hai bên đã thỏa thuận. Đại diện nguyên đơn cho rằng bị đơn giao hàng không đạt chất lượng. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử nhận thấy trong bản Hợp đồng mua bán cọc lỗi kỹ thuật hai bên không có thỏa thuận gì về chất lượng của hàng hóa nên không chấp nhận lời khai này của nguyên đơn. Khi xảy ra sự việc trên hai bên đã không cùng nhau bàn bạc lại về điều khoản thanh toán mà nguyên đơn đã yêu cầu bị đơn thanh lý hợp đồng mà hai bên đã ký kết.

Theo quy định tại Điều 358 của Bộ luật dân sự năm 2005 về đặt cọc thì:

"1. Đặt cọc là việc một bên giao cho bên kia một khoản tiền hoặc kim khí quý, đá quý hoặc vật có giá trị khác (sau đây gọi là tài sản đặt cọc) trong một thời hạn để bảo đảm giao kết hoặc thực hiện hợp đồng dân sự.

2. Trong trường hợp hợp đồng dân sự được giao kết, thực hiện thì tài sản đặt cọc được trả lại cho bên đặt cọc hoặc được trừ để thực hiện nghĩa vụ trả tiền; nếu bên đặt cọc từ chối việc giao kết, thực hiện hợp đồng dân sự thì tài sản đặt cọc thuộc về bên nhận đặt cọc; nếu bên nhận đặt cọc từ chối việc giao kết, thực hiện hợp đồng dân sự thì phải trả cho bên đặt cọc tài sản đặt cọc và một khoản tiền tương đương giá trị tài sản đặt cọc, trừ trường hợp có thỏa thuận khác".

Do vậy, theo quy định trên khi nguyên đơn không thực hiện đúng thỏa thuận trong hợp đồng thì sẽ mất toàn bộ số tiền cọc 709.674.360 (bảy trăm lẻ chín triệu, sáu trăm bảy mươi bốn ngàn, ba trăm sáu mươi) đồng đã đặt cọc cho bên bị đơn. Tuy nhiên, do bị đơn tự nguyện đồng ý trừ số tiền cọc tương đương với số tiền cọc lỗi mà bị đơn đã giao cho nguyên đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này. Số tiền tương đương giá trị của chuyến hàng bị đơn chuyển cho nguyên đơn là 428.990.400 (bốn trăm hai mươi tám triệu, chín trăm chín mươi ngàn, bốn trăm) đồng. Cấn trừ đi còn lại số tiền cọc là 237.647.360 (hai trăm ba mươi bảy triệu, sáu trăm bốn mươi bảy ngàn, ba trăm sáu mươi) đồng, nguyên đơn phải chịu mất cọc số tiền này là phù hợp với quy định của pháp luật.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu hủy hợp đồng mua bán cọc lỗi kỹ thuật được ký kết ngày 30/3/2015 giữa Công ty A và Công ty vận tải Minh Hằng của nguyên đơn. Do nguyên đơn không thực hiện đúng như thỏa thuận tại hợp đồng này nên lỗi của việc không tiếp tục thực hiện hợp đồng được xác định hoàn toàn lỗi từ phía nguyên đơn. Do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận các yêu cầu khác của nguyên đơn như: yêu cầu Công ty MD phải trả cho Công ty A số tiền bị phạt cọc do vi phạm hợp đồng chậm giao hàng là 709.674.360 (bảy trăm lẻ chín triệu, sáu trăm bảy mươi tư ngàn, ba trăm sáu mươi) đồng; buộc Công ty TNHH vận tải Biển MD phải trả cho công ty A số tiền chưa thực hiện nghĩa vụ giao hàng là 237.674.360 (hai trăm ba mươi bảy triệu, sáu trăm bảy mươi bốn ngàn, ba trăm sáu mươi) đồng; buộc công ty MD bồi thường cho công ty A số tiền tương đương với 1% giá trị hợp đồng cho mỗi

ngày chậm trễ tính từ ngày 09/4/2015 tới ngày xét xử (16/5/2017) là 765 ngày là 255.442.968 (hai trăm năm mươi lăm triệu, bốn trăm bốn mươi hai ngàn, chín trăm sáu mươi tám) đồng; buộc công ty MD phải trả số tiền lãi tương ứng do chậm thực hiện nghĩa vụ giao hàng với mức lãi suất theo quy định của pháp luật. Tiền lãi tính 0,95%/tháng x 25 tháng tính trên số tiền 255.442.968 (hai trăm năm mươi lăm triệu, bốn trăm bốn mươi hai ngàn, chín trăm sáu mươi tám) đồng là 56.400.635 (năm mươi sáu triệu, bốn trăm ngàn, sáu trăm ba mươi lăm) đồng.

Tổng số tiền là: 1.259.192.000 (một tỷ, hai trăm năm mươi chín triệu, một trăm chín mươi hai ngàn) đồng.

Từ những nhận định và phân tích ở trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có cơ sở để chấp nhận đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận YH là chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn là buộc bị đơn phải trả lại nguyên đơn số tiền cọc còn lại là 237.674.360 (hai trăm ba mươi bảy triệu, sáu trăm bảy mươi bốn ngàn, ba trăm sáu mươi) đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ kiện, bị đơn yêu cầu phản tố nhưng sau đó rút lại toàn bộ yêu cầu phản tố của mình nên Tòa án đã đình chỉ yêu cầu trên của bị đơn.

3/ Về án phí:

Yêu cầu của nguyên đơn không được chấp nhận, nên nguyên đơn phải chịu toàn bộ án phí sơ thẩm đối với vụ án về tranh chấp kinh doanh thương mại là 49.775.760 (bốn mươi chín triệu, bảy trăm bảy mươi lăm ngàn, bảy trăm sáu mươi) đồng.

Nguyên đơn đã nộp 20.210.231 (hai mươi triệu, hai trăm mười ngàn, hai trăm ba mươi mốt) đồng tiền tạm ứng án phí khi nộp đơn khởi kiện theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0023135 ngày 04/11/2016 của Chi cục thi hành án Dân sự Quận YH, Thành phố Hồ Chí Minh. Nguyên đơn còn phải nộp thêm tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 29.565.529 (hai mươi chín triệu, năm trăm sáu mươi lăm ngàn, năm trăm hai mươi chín) đồng. Nộp ngay khi án có hiệu lực pháp luật tại Chi cục thi hành án dân sự Quận YH, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 30, 35, 48, 49, 147, 227, 228, 235, 264, 266, 267 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 358 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ vào các Điều 2, 6, 7, 9, 30 Luật Thi hành án dân sự;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn về việc hủy hợp đồng mua bán cọc lỗi kỹ thuật ký kết ngày 30/3/2015 giữa Công ty TNHH A và Công ty TNHH vận tải Biển MD.

2. Bác các yêu cầu sau của nguyên đơn:

2.1. Bác yêu cầu buộc Công ty TNHH vận tải Biển MD phải trả cho Công ty TNHH A số tiền chưa thực hiện nghĩa vụ giao hàng là 237.674.360 (hai trăm ba mươi bảy triệu, sáu trăm bảy mươi tư ngàn, ba trăm sáu mươi) đồng.

2.2. Bác yêu cầu buộc Công ty TNHH vận tải Biển MD phải trả cho Công ty TNHH A số tiền phạt cọc do vi phạm hợp đồng chậm giao hàng là 709.674.360 (bảy trăm lẻ chín triệu, sáu trăm bảy mươi tư ngàn, ba trăm sáu mươi) đồng.

2.3. Bác yêu cầu buộc Công ty TNHH vận tải Biển MD bồi thường cho Công ty TNHH A số tiền tương đương với 1% giá trị hợp đồng cho mỗi ngày chậm trễ tính đến thời điểm khởi kiện. Tính từ ngày 09/4/2015 tới ngày xét xử (16/5/2017) là 765 ngày. Tổng số tiền là 255.442.968 (hai trăm năm mươi lăm triệu, bốn trăm bốn mươi hai ngàn, chín trăm sáu mươi tám) đồng.

2.4. Bác yêu cầu buộc Công ty TNHH vận tải Biển MD phải trả số tiền lãi tương ứng do chậm thực hiện nghĩa vụ giao hàng với mức lãi suất theo quy định của pháp luật. Tiền lãi tính 0,95%/tháng x 25 tháng tính trên số tiền 255.442.968 (hai trăm năm mươi lăm triệu, bốn trăm bốn mươi hai ngàn, chín trăm sáu mươi tám) đồng. Tổng số tiền là 56.400.635 (năm mươi sáu triệu, bốn trăm ngàn, sáu trăm ba mươi lăm) đồng.

Tổng số tiền bác yêu cầu là: 1.259.192.000 (một tỷ, hai trăm năm mươi chín triệu, một trăm chín mươi hai ngàn) đồng.

3/ Về án phí:

Buộc Công ty TNHH A phải chịu số tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đối với toàn bộ số tiền không được chấp nhận là 49.775.760 (bốn mươi chín triệu, bảy trăm bảy mươi lăm ngàn, bảy trăm sáu mươi) đồng.

Nguyên đơn đã nộp 20.210.231 (hai mươi triệu, hai trăm mười ngàn, hai trăm ba mươi mốt) đồng tiền tạm ứng án phí khi nộp đơn khởi kiện theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0023135 ngày 04/11/2016 của Chi cục thi hành án Dân sự Quận YH, Thành phố Hồ Chí Minh. Nguyên đơn còn phải nộp thêm tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 29.565.529 (hai mươi chín triệu, năm trăm sáu mươi lăm ngàn, năm trăm hai mươi chín) đồng. Nộp ngay khi án có hiệu lực pháp luật tại Chi cục thi hành án dân sự Quận YH, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án:

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo

quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4/ Quyền kháng cáo:

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDTPHCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận YH;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận YH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Thu Hương